CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Huyện Thanh Trì, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108504
Reason: I am the author of this document
Location: 12345678
Date: 2025.01.24 16:29:14+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBCLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số/ *No.*: 008 /2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Hanoi, January 24, 2025

BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty năm 2024
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE 2024

Kính gửi: **- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;**
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: ***- The State Securities Commission;***
- The Stock Exchange.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO

  Name of Company: VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

  Address of head office: Tu Khoat Rural, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City

- Điện thoại/*Tel*: (84-24) 3768 5775 Fax: (84-24) 3768 4465

  Email: info@vinafco.com.vn

- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 Đồng

  Charter capital: 340.000.000.000 VND

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol* : VFC

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

  Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

The implementation of internal audit: Implemented

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

STT *No.*	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*
1.	Nghị quyết số 0502/2024/NQ-ĐHĐCĐ *Resolution No. 0502/2024/NQ-ĐHĐCĐ*	15/05/2024	1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. *Approve the report on production and business results in 2023.* 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán. *Approve the audited 2023 financial statements.* 3. Thông qua kế hoạch kinh doanh và ngân sách năm 2024. *Approve the business plan and budget for 2024.* 4. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024. *Approval of the 2023 Board of Directors' performance report and the activity plan in 2024.* 5. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động

			năm 2024. *Approve the Supervisory Board's 2023 operation report and 2024 operation plan.* 6. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2023. *Approve the profit distribution plan 2023.* 7. Phê duyệt quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024. *Approve the 2023 remuneration settlement of the Board of Directors and Supervisory Board and the 2024 remuneration payment plan for the Board of Directors and Supervisory Board.* 8. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2024 và ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn. *Approve the list of auditing firms to audit the company's financial statements in 2024 and authorize the Board of Supervisors to select.* 9. Thông qua nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. *Approve the dismissal and election of additional members of the Board of Directors for the term 2022-2027.* 10. Thông qua danh sách nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. *Approve the list of personnel participating in the election of additional members of the Board of Directors for the term 2022-*

			2027. 11. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. *Approving the results of the election of additional members of the Board of Directors for the term 2022-2027.*

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

Board of Directors (Annual report)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Information about the members of the Board of Directors:

STT *No.*	**Thành viên HĐQT** *Board of Directors' members*	**Chức vụ** *Position*	**Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập** *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors*	
			Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	**Ngày miễn nhiệm** *Date of dismissal*
1.	Ông/ *Mr.* Nguyễn Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the BOD*	25/4/2022	
2.	Ông/ *Mr.* Đặng Lưu Dũng	Thành viên *Member*	01/12/2018	
3.	Ông/ *Mr.* Takahashi Shinichi	Thành viên *Member*	25/4/2022	
4.	Ông/*Mr.* Lý Lâm Duy	Thành viên *Member*	25/4/2022	

5.	Ông/ *Mr.* Niibayashi Naoki	Phó Chủ tịch *Deputy Chairman of the BOD*	15/05/2024	
6.	Ông/*Mr.* Kajiwara Takashi	Phó Chủ tịch HĐQT *Deputy chairman of the BOD*	04/05/2017	15/05/2024

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

STT *No.*	**Thành viên HĐQT** *Board of Director' member*	**Số buổi họp HĐQT tham dự** *Number of meetings attended by Board of Directors*	**Tỷ lệ tham dự họp** *Attendance rate*	**Lý do không tham dự họp** *Reasons for absence*
1.	Ông/*Mr.* Nguyễn Thái Hòa	08	100%	
2.	Ông/ *Mr.* Kajiwara Takashi	04	50%	Miễn nhiệm từ ngày/ *Dismissal from 15/05/2024*
3.	Ông/ *Mr.* Đặng Lưu Dũng	08	100%	
4.	Ông/ *Mr.* Takahashi Shinichi	08	100%	
5.	Ông/ *Mr.* Lý Lâm Duy	08	100%	
6.	Ông/ *Mr.* Niibayashi Naoki	04	50%	Bổ nhiệm từ ngày/ *Appointed from 15/05/2024*

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc.

Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và công tác quản lý nói chung. Về công tác phối hợp giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra. Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đã thực hiện công tác điều hành công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

The Board of Directors acknowledges the efforts of the Company's Executive Board in managing business operations and overall administration. Regarding the coordination between the Executive Board and the Board of Directors, it has been carried out in accordance with the established requirements. Additionally, the Executive Board has conducted the company's operations in compliance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter, and other legal regulations, ensuring the legitimate interests of the Company and its shareholders.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2024:

Resolutions/Decisions of the Board of Directors issued in 2024:

STT *No.*	**Số Nghị quyết/ Quyết định** *Resolution/Decision No.*	**Ngày** *Date*	**Nội dung** *Content*	**Tỷ lệ thông qua** *Approval rate*
1.	NQ số/ *Resolution No.* 0201/2024/NQ-HĐQT	01/02/2024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 01/02/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on February 1, 2024*	100%
2.	QĐ số/ *Decision No.* 020101/2024/QĐ-HĐQT	01/02/2024	Phê duyệt việc ký hợp đồng với các bên có liên quan trong năm 2024 *Approval of the signing of contracts with Related Parties in 2024*	100%
3.	NQ số/ *Resolution No.* 0301/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 28/3/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on March 28, 2024*	100%
4.	QĐ số/ *Decision No.* 030101/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Miễn nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị và Người phụ trách quản trị công ty *Dismissal of the secretary of the Board of Directors and the person in charge of corporate governance*	100%
5.	QĐ số/ *Decision No.* 030102/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty *Appointment of a person in charge of*	100%

			corporate governance	
6.	QĐ số/ *Decision No.* 030103/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị *Appointment of the Secretary of the Board of Directors*	100%
7.	QĐ số/ *Decision No.* 030104/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết định phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 *Decision on approving the finalization of the list of Shareholders for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders*	100%
8.	NQ số/ *Resolution No.* 0302/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2024-2025 *Approval of bank facilities for working capital in 2024 -2025*	100%
9.	QĐ số/ *Decision No.* 030201/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2024-2025 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) *Approval of bank facilities for working capital in 2024-2025 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)*	100%
10.	QĐ số/ *Decision No.* 030202/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2024-2025 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank) *Approval of bank facilities for working capital in 2024-2025 at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank)*	100%
11.	QĐ số/ *Decision No.* 030203/2024/QĐ-HĐQT	28/03/2024	V/v: Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2024-2025 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) *Approval of bank facilities for working capital in 2024-2025 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank)*	100%

12.	NQ số/ *Resolution No.* 0401/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	Thông qua thời gian, địa điểm, chương trình nghị sự và tài liệu cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (*Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản*) *Approval of the time, venue, agenda, and documents for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders (approval by written consultation)*	100%
13.	NQ số/ *Resolution No.* 0402/2024/NQ-HĐQT	09/05/2024	Thay đổi người đại diện quản lý vốn; Đề cử nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 tại Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco; Ý kiến biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco (*Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản*) *Change of capital management representative; Nomination of personnel to participate in the election of additional members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board for the term 2022-2027 at Vinafco Shipping Joint Stock Company; Voting opinions at the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of Vinafco Shipping Joint Stock Company* *(Approved by written opinion)*	100%
14.	NQ số/ *Resolution No.* 0501/2024/NQ-HĐQT	11/05/2024	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 11/05/2024 về việc phê duyệt phương án giải thể Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang *Resolution of the Board of Directors meeting dated May 11, 2024 on approving the dissolution plan of Vinafco Hau Giang One Member Company Limited ("**Vinafco Hau***	100%

			Giang")	
15.	QĐ số/ *Decision No.* 050101/2024/QĐ-HĐQT	11/05/2024	Phê duyệt phương án giải thể Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang *Approval of the dissolution plan of Vinafco Hau Giang*	100%
16.	NQ số/ *Resolution No.* 0503/2024/NQ-HĐQT	15/05/2024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 15/05/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on May 15, 2024:* - Bầu Phó chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinafco nhiệm kỳ 2022- 2027; *Election of Vice Chairman of the Board of Directors of Vinafco Joint Stock Company for the term 2022-2027;* - Phê duyệt triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2023 *Approving the implementation of the dividend payment plan for 2023*	100%
17.	QĐ số/ *Decision No.* 050301/2024/QĐ-HĐQT	15/05/2024	Bầu phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinafco kể từ ngày 15/05/2024 *Election of Vice Chairman of the Board of Directors of Vinafco Joint Stock Company from May 15, 2024*	100%
18.	QĐ số/ *Decision No.* 050302/2024/QĐ-HĐQT	15/05/2024	Phê duyệt triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2023 *Approval of the implementation of the dividend payment plan for 2023*	100%
19.	NQ số/ *Resolution No.* 0504/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Dismissal and appointment of Director of Vinafco Logistics Company Limited* *(Through written consent)*	100%

20.	QĐ số/ *Decision No.* 050401/2024/QĐ-HĐQT	31/05/2024	Miễn nhiệm Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Dismissal of Director of Vinafco Logistics Company Limited* *(Through written consent)*	100%
21.	QĐ số/ *Decision No.* 050402/2024/QĐ-HĐQT	31/05/2024	Bổ nhiệm Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Appointment of Director of Vinafco Logistics Company Limited* *(Through written consent)*	100%
22.	QĐ số/ *Decision No.* 050403/2024/QĐ-HĐQT	31/05/2024	Thay đổi người đại diện pháp luật của công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Legal representative changing of Vinafco Logistics Company Limited* *(Through written consent)*	100%
23.	NQ số/ *Resolution No.* 0601/2024/NQ-HĐQT	05/06/2024	Phê duyệt phương án cấn trừ công nợ Nova Consumer bằng bất động sản *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval of Nova Consumer clearing debt plan with real estate (Through written consent)*	100%
24.	NQ số/ *Resolution No.* 0602/2024/NQ-HĐQT	17/06/2024	Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty cổ phần Vinafco; Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Vinafco; Miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức danh quản lý tại Công ty con. *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)*	100%

			Dismissal and appointment of the General Director of Vinafco Joint Stock Company; Change of Legal Representative of Vinafco Joint Stock Company; Dismissal and appointment of management positions at the subsidiary company *(Through written consent)*	
25.	QĐ số/ *Decision No.* 060201/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Bảo Trung *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Dismissal and termination of labor contract for the position of General Director for Mr. Nguyen Bao Trung* *(Through written consent)*	100%
26.	QĐ số/ *Decision No.* 060202/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Miễn các chức vụ quản lý của Ông Nguyễn Bảo Trung *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Dismissal Mr. Nguyen Bao Trung from managerial positions* *(Through written consent)*	100%
27.	QĐ số/ *Decision No.* 060203/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Change of Legal Representative of Vinafco Joint Stock Corporation* *(Through written consent)*	100%

28.	QĐ số/ *Decision No.* 060204/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Bổ nhiệm chức danh quản lý tại các công ty con *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Appointment managerial positions at subsidiaries* *(Through written consent)*	100%
29.	QĐ số/ *Decision No.* 060205/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Appointment of General Director of Vinafco Joint Stock Corporation* *(Through written consent)*	100%
30.	QĐ số/ *Decision No.* 060206/2024/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Phê duyệt mức lương của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval on General Director's salary of Vinafco Joint Stock Corporation* *(Through written consent)*	100%
31.	NQ số/ *Resolution No.* 0603/2024/NQ-HĐQT	20/06/2024	Phê duyệt việc phân bổ quỹ khen thưởng năm 2023 *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval 2023 bonus fund distribution* *(Through written consent)*	100%
32.	NQ số/ *Resolution No.* 0701/2024/NQ-HĐQT	30/072024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on July 30, 2024*	100%

33.	QĐ số/ *Decision No.* 070101/2024/QĐ-HĐQT	30/072024	Ban hành quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Vinafco *Promulgating salary regulations of Vinafco Joint Stock Corporation*	100%
34.	NQ số/ *Resolution No.* 0801/2024/NQ-HĐQT	22/08/2024	Bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Appointment for the Deputy General Director position of Vinafco Joint Stock Corporation* *(Through written consent)*	100%
35.	QĐ số/ *Decision No.* 080101/2024/QĐ-HĐQT	22/08/2024	Bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Appointment for the Deputy General Director position of Vinafco Joint Stock Corporation* *(Through written consent)*	100%
36.	NQ số/ *Resolution No.* 0901/2024/QĐ-HĐQT	13/09/2024	Thông qua nội dung thực hiện kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Vinafco và Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval on internal audit content of Vinafco Joint Stock Corporation and Vinafco transportation and service company Limited* *(Through written consent)*	100%
37.	NQ số/ *Resolution No.* 0902/2024/NQ-HĐQT	27/09/2024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 27/09/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on September 27, 2024*	100%

38.	NQ số/ *Resolution No.* 1201/2024/NQ-HĐQT	19/12/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval for the amendment and addition of Business activities of Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd.* *(Through written consent)*	100%
39.	QĐ số/ *Decision No.* 120101/2024/QĐ-HĐQT	19/12/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung *(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)* *Approval for the amendment and addition of Business activities of Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd.* *(Through written consent)*	100%
40.	NQ số/ *Resolution No.* 1202/2024/NQ-HĐQT	23/12/2024	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 23/12/2024 *Resolution of the Board of Directors meeting on December 23, 2024*	100%
41.	QĐ số/ *Decision No.* 120201/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025 *Approval on transaction with related parties in 2025*	100%
42.	QĐ số/ *Decision No.* 120202/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Phê duyệt Bổ sung tài sản thế chấp cho hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) *Addition of collaterals for short-term credit limit at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank)*	100%
43.	QĐ số/ *Decision No.* 120203/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Miễn nhiệm Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco - Nguyễn Trường Minh	100%

			Dismissal of the Director position of Vinafco Logistics Company Limited - Mr. Nguyen Truong Minh	
44.	QĐ số/ *Decision No.* 120204/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Bổ nhiệm Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *Appointment for the Director position of Vinafco Logistics Company Limited*	100%
45.	QĐ số/ *Decision No.* 120205/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Miễn nhiệm kế toán trưởng công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *Dismissal for the Chief Accountant position of Vinafco Logistics Company Limited*	100%
46.	QĐ số/ *Decision No.* 120206/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty TNHH Tiếp vận Vinafco - Ngô Thị Kim Phượng *Appointment for the Chief Accountant position of Vinafco Logistics Company Limited – Mrs. Ngo Thi Kim Phuong*	100%
47.	QĐ số/ *Decision No.* 120207/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *Changing the legal representative of Vinafco Logistics Company Limited*	100%
48.	QĐ số/ *Decision No.* 120208/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Phê duyệt thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Đình Vũ *Approval for the change of the headquarters address of Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company*	100%
49.	120209/2024/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Ban hành quy chế tài chính của công ty Cổ phần Vinafco *Promulgating Financial policy of Vinafco Joint Stock Corporation*	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2024)

Board of Supervisors (Annual report/Report in 2024)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

Information about members of Board of Supervisors

STT *No.*	**Thành viên BKS** *Members of Board of Supervisors*	**Chức vụ** *Position*	**Ngày bắt đầu là thành viên BKS** *The date becoming the member of the Board of Supervisors*	**Trình độ chuyên môn** *Qualification*
1.	Bà/*Mrs.* Nguyễn Thị Huyền Oanh	Trưởng BKS *Head of the Supervisory Board*	25/4/2022	Cử nhân kế toán kiểm toán *Bachelor of Accounting -Auditing*
2.	Bà/*Mrs.* Trần Thị Nhường	Thành viên *Member*	25/4/2022	Thạc sỹ luật học *Master of Law*
3.	Bà/ *Mrs.* Trần Thị Thu Hương	Thành viên *Member*	25/4/2022	Cử nhân kế toán kiểm toán *Bachelor of Accounting -Auditing*

2. Cuộc họp của BKS:

Meetings of Board of Supervisors

STT *No.*	**Thành viên BKS** *Member of Board of Supervisors*	**Số buổi họp tham dự** *Number of meetings attended*	**Tỷ lệ tham dự họp** *Attendance rate*	**Tỷ lệ biểu quyết** *Voting rate*	**Lý do không tham dự họp** *Reasons for absence*
1.	Bà/*Mrs.* Nguyễn Thị Huyền Oanh	04	100%	100%	
2.	Bà/ *Mrs.* Trần Thị Nhường	04	100%	100%	
3.	Bà/ *Mrs.* Trần Thị Thu Hương	04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành cũng như sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Supervisory activities of the Supervisory Board over the Board of Directors, the Executive Board as well as the coordination of activities between the Supervisory Board and the activities of the Board of Directors, the Executive Board and other management staff:

a. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Evaluation of the activities of the Board of Directors:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, cách thức Hội đồng quản trị trao đổi trước khi đưa ra quyết định, ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

The Supervisory Board supervises the Board of Directors through meetings and how the Board of Directors consults before making decisions and promulgating resolutions of the Board of Directors.

- Các nội dung quan trọng đều được các thành viên HĐQT thảo luận công khai, dân chủ trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Mọi vấn đề đều được các thành viên HĐQT thảo luận thấu đáo, xem xét đánh giá cẩn trọng mọi khía cạnh của vấn đề trước khi ra Nghị quyết.

  Important contents are discussed openly and democratically by members of the Board of Directors at the Board of Directors' meeting. All issues are thoroughly discussed by members of the Board of Directors, carefully considering, and evaluating all aspects of the issue before making a Resolution.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 15/05/2024, thực hiện việc chi trả cổ tức đúng Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, kế hoạch kinh doanh do HĐQT và Ban điều hành lập đã được thông qua;

  The Board of Directors of the Company successfully held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders on May 15, 2024, paying dividends in accordance with the Resolution approved by the General Meeting of Shareholders. At the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, the business plan prepared by the Board of Directors and the Executive Board was approved;

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

  During the performance of its duties, the Supervisory Board was fully supported by the Company's Board of Directors, ensuring favorable conditions to accomplish its tasks.

- Ban Kiểm soát Công ty được HĐQT mời tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT.

The Board of Supervisors of the Company was invited by the Board of Directors to attend all regular meetings of the Board of Directors.

b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

Evaluation of the performance of the Executive Board and other management staff

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được quy định trong quy chế, quy định của Công ty.

  The Board of Supervisors supervises the activities of the Board of Directors through the implementation of Resolutions of the Board of Directors as well as the mechanism of decentralization between the Board of Directors and the General Director as stipulated in the regulations and rules.

- Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

  The Board of Directors strictly monitors and implements the resolutions issued by the Board of Directors.

- Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong đó thể hiện mọi vấn đề trọng yếu về hoạt động tài chính cũng như hệ thống kế toán và các vấn đề lớn phát sinh cần quan tâm trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

  The Executive Board reports business results quarterly to the Board of Directors and the Supervisory Board. The report shows all critical issues regarding financial operations as well as the accounting system and other issues. Major issues arise that need attention in the Company's business operations.

- Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính quý và cả năm trên cơ sở báo cáo tài chính do Công ty lập và kết quả kiểm toán BCTC 6 tháng và BCTC cả năm 2024 của Công ty kiểm toán độc lập.

  The Supervisory Board has reviewed the quarterly and annually financial statements based on the financial statements prepared by the company and the audit results of the 6-month financial statements and the full year 2024 financial statements of the independent auditing company.

Kết quả giám sát/*Monitoring results*:

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua;

The Board of Directors has closely supervised and promptly directed the Executive Board in production and business operations, supervising the implementation of the approved Resolution of the General Meeting of Shareholders;

- Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;

  The Resolutions issued by the Board of Directors were in accordance with their functions, authority and in accordance with the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, and fully complied with the Enterprise Law, the Company's Charter, and relevant legal regulations.

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ và bất thường theo quy định pháp luật;

  The Board of Directors conducted regular and extraordinary meetings as required by law;

- Báo cáo tài chính năm 2024 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành; phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

  The financial statements in the year 2024 are prepared and presented honestly, in accordance with Vietnamese accounting standards and current regulations; Honestly reflects the financial situation and business operations of the Company.

- Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty.

  The Supervisory Board has not received any requests from shareholders or groups of shareholders to review the Company's operations, the management of the Board of Directors and the General Director of the Company.

- Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban điều hành dẫn tới rủi ro cho Công ty.

  The Board of Supervisors did not detect anything unusual in the management and operation of the Executive Board that led to risks for the Company.

c. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các bộ quản lý khác

Coordination between the Supervisory Board and the Board of Directors, the Executive Board and other management departments

- BKS đã nhận được sự phối hợp, hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban trong Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS;

  The Supervisory Board has received good coordination and cooperation from the Board of Directors and the Board of Management. The Board of Management and management staff in the Company's departments have created favorable conditions in terms of facilities as well as provided full information and documents for the Supervisory Board's inspection and supervision work;

- Hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty;

  The Supervisory Board's activities are carried out by the law, the Company's Charter, and the Resolutions of the Company's General Meeting of Shareholders;

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

   Other activities of the Board of Supervisors: None

IV. Ban điều hành

Board of Management

STT *No.*	Thành viên Ban điều hành *Member of Board of Management*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn *Qualification*	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành *Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management*	
				Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*
1.	Ông/*Mr.* Nguyễn Bảo Trung	05/11/1982	Cử nhân quản trị doanh nghiệp, Chứng chỉ sau đại học về logistics và chuỗi cung ứng *Bachelor of Business Administration, Postgraduate Certificate in Logistics and Supply Chain*	01/7/2023	01/07/2024

2.	Ông/*Mr.* Bùi Minh Hưng	21/09/1977	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển *Marine Transportation Economics Engineer* Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng anh *Bachelor of Foreign Languages - English*	01/07/2024	
3.	Ông/ *Mr.* Nguyễn Huy Dương	13/02/1979	Cử nhân kinh tế công nghiệp *Bachelor of Industrial Economics*	22/08/2024	

V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

Họ và tên *Name*	**Ngày tháng năm sinh** *Date of birth*	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** *Qualification*	**Ngày bổ nhiệm** *Date of appointment*
Bà/ *Mrs.* Lê Thị Minh Phương	04/9/1975	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán *Bachelor of Economics, major in Accounting - Auditing*	17/5/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Training courses on corporate governance:

- Hoạt động đào tạo về công tác quản trị luôn được Công ty chú trọng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vinafco;

  Training activities on governance are always prioritized by Vinafco Joint Stock Corporation to enhance the efficiency of its corporate governance.

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Công ty đã tạo điều kiện để nhân sự tham gia các khoá đào tạo, hội thảo về quản trị công ty, về luật doanh nghiệp, luật chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức cũng như tham dự các khoá học ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan khác.

The training programs on corporate governance attended by members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers, and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance: The company has facilitated personnel participation in training courses and seminars on corporate governance, corporate law, and securities law organized by the State Securities Commission, and the Hanoi Stock Exchange, as well as short-term courses in other relevant fields.

VII. Danh sách người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:

The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty

The list of affiliated persons of the public company

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization /individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp *No. NSH; date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*
1.	Công ty cổ phần Logistics ASG *ASG Logistics Joint Stock Company*			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 *Business Registration No. 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18, 2013*	Lô số 5, KCN Yên Bình, Phường Đồng Tiến, Thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên *Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen*	27/5/2022			Công ty mẹ *Parent Company*
2.	Công ty TNHH Vận tải ASG			ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái	Lô số 5, KCN Yên Bình, Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối

	ASG Transport Company Limited			Nguyên cấp ngày 29/10/2019 *Business Registration No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019*	Nguyên *Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen*				*Enterprise controlled by parent company*
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn *Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company*			ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 *Business Registration No. 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016*	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam *Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Phu Minh Commune, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam*	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by parent company*
4.	Công ty TNHH ALS Thành phố Hồ Chí Minh *ALS Ho Chi Minh City Company Limited*			ĐKDN số 0314023199 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2016 *Business Registration No.*	Tầng 01, tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh *Floor 01, Hai Au Building, 39B Truong Son Street,*	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by parent company*

				0314023199 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on September 21, 2016	*Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.*				
5.	Công ty Cổ phần Dịch Vụ ASGU *ASGU Services Joint Stock Company*			ĐKDN số 4601528585 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30/11/2018 *Business Registration No. 4601528585 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on November 30, 2018*	Lô số 5, KCN Yên Bình, Phường Đồng Tiến, Thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên *Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen*	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by parent company*
6.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco *Vinafco Logistics Company Limited*			ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 *Business Registration No. 0106641275 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July*	33C Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. *No. 33C Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Ha Noi City*	22/7/2003			Công ty con *Subsidiary company*

				22, 2003					
7.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services Company Limited*			ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	33C Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. *No. 33C Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Ha Noi City*	16/01/2006			Công ty con *Subsidiary company*
8.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng *Vinafco Da Nang One Member Company Limited*			ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 *Business Registration No. 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010*	Đường số 5A, khu CN Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam *Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Hoa Tho Tay Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam*	18/11/2010			Công ty con *Subsidiary company*
9.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương			ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	18/02/2011			Công ty con *Subsidiary company*

	Vinafco Binh Duong One Member Company Limited			18/02/2011 *Business Registration No. 3701833950 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Duong province on February 18, 2011*	*Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Di An City, Binh Duong Province*				
10.	Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang *Vinafco Hau Giang One Member Company Limited*			ĐKDN số 6300136348 do Sở KHĐT tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/12/2010 *Business Registration No. 6300136348 issued by the Department of Planning and Investment of Hau Giang province on December 29, 2010*	Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *Phu Thanh Hamlet, Mai Dam Town, Chau Thanh District, Hau Giang Province*	29/12/2010	23/07/2024	Giải thể *Dissolution*	Công ty con *Subsidiary company*
11.	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ *Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company*			ĐKDN số 0200887974 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/2/2011 *Business Registration No. 0200887974 issued*	Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng *Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong, Ngo Quyen District, Hai*	28/02/2011			Công ty con *Subsidiary company*

				by the Department of Planning and Investment of Hai Phong City on February 28, 2011	*Phong City*				
12.	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	16/01/2006			Công ty con *Subsidiary company*
13.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco miền Trung *Vinafco Central Transport and Services Company Limited*			ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/8/2012 *Business Registration No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012*	Thôn Cương Trung C, xã Tiến Hóa, Huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình *Cuong Trung C Village, Tien Hoa Commune, Tuyen Hoa District, Quang Binh Province*	15/08/2012			Doanh nghiệp do Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco chi phối *Enterprise controlled by Vinafco Transport and Service Company Limited*

14.	The Shibusawa Warehouse Co., Ltd.			ĐKKD số 1631734 do Nhật Bản cấp *Business Registration No. 1631734 issued by Japan*	Eitai 37-28, Eitai 2-Chome, Koto – Ku, Tokyo, Nhật Bản *Eitai 37-28, Eitai 2-Chome, Koto-Ku, Tokyo, Japan*	2014			Cổ đông lớn *Major Shareholder*
15.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam *Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd*			ĐKKD số 0309640774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2013 (Cấp đổi từ Giấy chứng nhận Đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận ĐKKD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009) *Business registration number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on January 2, 2013 (amended from the Investment Certificate cum Business Registration*	Số 40 đường Bà Huyện Thanh Quan. Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam *No. 40 Ba Huyen Thanh Quan Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam*	2014			Công ty con của cổ đông lớn *Subsidiary of a Major Shareholder*

				Certificate initially issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City on November 16, 2009).					

16.	Ông/*Mr.* Nguyễn Thái Hòa		Chủ tịch HĐQT *Chairman of the Board of Directors*			25/4/2022			Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Logistics ASG; Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *Chairman of the Board of Directors; General Director of ASG Logistics JSC; Chairman of the Board of Directors of Vinafco Shipping JSC*
17.	Ông/ *Mr.* Kajiwara Takashi		Phó Chủ tịch HĐQT *Vice Chairman of Board of Directors*			04/5/2017	15/05/2024	Miễn nhiệm *Dismissal*	Phó chủ tịch HĐQT; Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *Vice Chairman of the Board of Directors; Member of the Board of Directors of Vinafco*

									Shipping Joint Stock Company
18.	Ông/*Mr.* Takahashi Shinichi		Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*			25/4/2022			Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*
19.	Ông/*Mr.* Đặng Lưu Dũng		Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*			01/12/2018			Thành viên HĐQT; Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *Member of Board of Directors; Member of Board of Directors of Vinafco Shipping Joint Stock Company*
20.	Ông//*Mr.* Lý Lâm Duy		Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*			25/4/2022			Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors*
21.	Ông/*Mr.* Niibayashi Naoki		Phó Chủ tịch HĐQT			15/05/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Thành viên HĐQT; Thành viên HĐQT

			Vice Chairman of Board of Directors						CTCP Vận tải biển Vinafco *Member of the Board of Directors.* *Member of the Board of Directors of Vinafco Shipping Joint Stock Company*
22.	Bà/*Mrs.* Nguyễn Thị Huyền Oanh		Trưởng BKS *Head of Supervisory Board*			25/4/2022			Trưởng BKS *Head of Supervisory Board*
23.	Bà/*Mrs.* Trần Thị Nhường		Thành viên BKS *Member of Supervisory Board*			25/4/2022			Thành viên BKS *Member of Supervisory Board*

24.	Bà/*Mrs.* Trần Thị Thu Hương		Thành viên BKS *Member of Supervisory Board*			25/4/2022			Thành viên BKS *Member of Supervisory Board*
25.	Ông/*Mr.* Nguyễn Bảo Trung		Tổng giám đốc *General Director*			01/7/2023	01/07/2024	Miễn nhiệm *Dismissal*	Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật; Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *General Director, Legal Representative ; Member of Board of Directors of Vinafco Shipping JSC.*
26.	Ông/ *Mr.* Bùi Minh Hưng		Tổng giám đốc *General Director*			01/07/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật; *General Director, Legal Representative ;*

27.	Ông/ Mr. Nguyễn Huy Dương		Phó Tổng Giám đốc *Deputy General Director*			22/8/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Phó Tổng giám đốc Công ty *Deputy General Director of the Company*
28.	Ông/ *Mr*. Đinh Xuân Hưng					01/6/2018			Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *General Director, Legal Representative, Member of Board of Directors of Vinafco Shipping Joint Stock Company*
29.	Ông/*Mr*. Phạm Minh Tú					01/7/2023			Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco *Member of the Board of Directors of Vinafco*

									Shipping Joint Stock Company
30.	Ông/ *Mr.* Nguyễn Thế Vũ		Giám đốc khối vận hành *Director of Operations*			15/8/2018			Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco *Legal representative of Vinafco Transport and Services Co., Ltd.*
31.	Ông/ *Mr.* Nguyễn Trường Minh		Giám đốc khối hỗ trợ vận hành *Director of Operation Support*			13/06/2024	23/12/2024	Miễn Nhiệm *Dismissal*	Người đại diện theo pháp Công ty TNHH Tiếp Vận Vianfco *Legal Representative of Vianfco Logistics Co., Ltd.*
32.	Ông/Mr. Phạm Kiên Cường		Trưởng phòng kinh doanh *Head of Business Department*			23/12/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Người đại diện theo pháp Công ty TNHH Tiếp Vận Vianfco *Legal*

									Representative of Vinafco Logistics Co., Ltd.
33.	Ông/Mr. Vũ Công Tráng		Trưởng bộ phận dự án *Head of Project Department*			11/10/2017			Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ *Director, Legal Representative of Vinafco Dinh Vu Logistics Co., Ltd.*
34.	Bà/ *Mrs.* Lê Thị Minh Phương		Kế toán trưởng *Chief Accountant*			17/5/2016			Người nội bộ - Kế toán trưởng *Internal - Chief Accountant*
35.	Ông/*Mr.* Đào Vũ Anh		Thư ký HĐQT *Secretary of Board of Director*			16/3/2023	05/04/2024	Miễn nhiệm *Dismissal*	Thư ký HĐQT, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin *Secretary of the Board of Directors, Corporate*

									Governance Officer, and Authorized Disclosure Representative.
36.	Bà/*Mrs.* Trần Thị Hồng		Người phụ trách quản trị công ty, người được uỷ quyền công bố thông tin *Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative*			05/04/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Người phụ trách quản trị công ty, Người được uỷ quyền công bố thông tin *Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative.*
37.	Bà/*Mrs.* Nguyễn Thuý Hà		Thư ký HĐQT *Secretary of Board of Director*			05/04/2024		Bổ nhiệm *Appointed*	Thư ký HĐQT *Secretary of Board of Director*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Transactions between the company and related parties of the company; or between the company and major shareholders, insiders, or related parties of insiders.

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH *No. NSH, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch *Content, quantity, total value of transaction*
1.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco *Vinafco Logistics Company Limited*	Công ty con *Subsidiary company*	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 *Business Registration No. 0106641275 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003*	Số 33C, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội *No. 33C, Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	Chi phí dịch vụ kho bãi/ *Warehouse service fee:* 4.531.429.879 VND

2.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services Company Limited*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày16/01/2006 *Business Registration No. 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Số 33C, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội *No. 33C, Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT /2024 ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 01, 2024*	- Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ *Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:* 29.795.180.448 VND - Chi phí dịch vụ vận tải và cho thuê xe/ *Transportation service costs and vehicle rental services:* 378.223.412.729 VND - Thu nhập khác/ *Other income:* 1.106.391.018 VND - Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ *Revenue from profit sharing:* 17.600.000.000 VND

3.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng *Vinafco Da Nang One Member Company Limited*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 *Business Registration No. 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010*	Đường số 5A, khu CN Hòa Cầm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Hoa Tho Tay Ward, Cam Le District, Da Nang City*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	Chi phí dịch vụ kho bãi/*Warehouse service costs*: 3.021.954.472 VND

4.	Công ty TNHH MTV Vinafco Hậu Giang (đã giải thể) *Vinafco Hau Giang One Member Company Limited* *(dissolved)*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 6300136348 do Sở KHĐT tỉnh Hậu giang cấp ngày 29/12/2010 *Business Registration No. 6300136348 issued by Hau Giang Department of Planning and Investment on December 29, 2010*	Ấp Phú Thạnh, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam *Phu Thanh Hamlet, Mai Dam Town, Chau Thanh District, Hau Giang Province, Vietnam*			- Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ *Revenue from profit sharing:* 2.435.465.622 VND - Rút vốn đầu tư/ *Withdrawal of Investment:* 2.500.000.000 VND

5.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương *Vinafco Binh Duong One Member Company Limited*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 *Business Registration No. 3701833950 issued by Binh Duong Department of Planning and Investment on February 18, 2011*	Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương *Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Di An City, Binh Duong Province*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ -HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ -HĐQT dated November 17, 2021* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	Chi phí dịch vụ kho bãi: *Warehouse service costs:* 7.063.316.291 VND

6.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business registration number 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Nghị quyết số 072/2022/NQ-HĐQT ngày 18/10/2022 *Resolution No. 072/2022/NQ-HĐQT dated October 18, 2022* - Nghị quyết số 099/2023/NQ-HĐQT ngày 04/8/2023 *Resolution No. 099/2023/NQ-HĐQT dated August 4, 2023* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *- Decision No. 020101/2024/QĐ-HĐQT dated February 1, 2024*	- Doanh thu cho thuê văn phòng, xe đưa đón và phí sử dụng nhãn hiệu/ / *Revenue from office rentals, shuttle vehicle services, and trademark usage fees* 5.491.390.990 VND - Phí dịch vụ vận tải/*Transportation service fees:* 30.202.194.202 VND - Thu nhập khác/ *Other income:* 181.897.165 VND - Chi phí văn phòng và chi phí khác/ *Office expenses and other costs:* 104.990.050 VND - Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ *Revenue from profit sharing:* 7.333.167.500 VND

7.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung *Vinafco Central Transport and Service Company Limited*	Công ty con *Subsidiary Company*	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 *Business Registration No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh province on August 15, 2012*	Thôn Cương Trung C, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình *Cuong Trung C Village, Tien Hoa Commune, Tuyen Hoa District, Quang Binh Province*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Nghị quyết số 099/2023/NQ-HĐQT ngày 04/8/2023 *Resolution No. 099/2023/NQ-HĐQT dated August 4, 2023* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	- Doanh thu cho thuê phương tiện vận tải/ *Revenue from vehicle rental services:* 6.412.245.750 VND - Chi phí dịch vụ vận tải/ *Transportation service expenses:* 80.963.833.040 VND - Thu nhập khác /*Other income:* 2.796.962 VND - Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ *Revenue from profit sharing:* 1.960.000.000 VND

8.	Công ty Cổ phần Logistics ASG *ASG Logistics Joint Stock Company*	Công ty mẹ *Parent Company*	ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 *Business Registration No. 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18, 2013*	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên *Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen Province*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 007/2023/NQ-HĐQT *Resolution No. 007/2023/NQ-HĐQT* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	Doanh thu dịch vụ vận tải/ *Revenue from transportation services:* 4.956.344.685 VND Chi phí khác/ *Other Expenses:* 2.300.400 VND Chi cổ tức/*Dividends:* 13.949.824.800 VND

9.	Công ty TNHH Vận tải ASG *ASG Transport Company Limited*	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by the parent company*	ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 *Business Registration No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019*	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên *Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen Province*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 099/2023/NQ-HĐQT ngày 04/8/2023 *Resolution No. 099/2023/NQ-HĐQT dated August 4, 2023* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QĐ-HĐQT dated February 1, 2024*	Doanh thu dịch vụ vận tải/ *Revenue from transportation services:* 295.506.000 VND

10.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam *Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd*	Công ty con của cổ đông lớn *Subsidiary of major shareholder*	ĐKDN số 0309640774 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 *Business Registration No. 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009*	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh *No. 40, Ba Huyen Thanh Quan Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City*	01/01/2024 - 31/12/2024	- Nghị quyết số 061/2021/NQ-HĐQT ngày 17/11/2021 *Resolution No. 061/2021/NQ-HĐQT dated November 17, 2021* - Nghị quyết số 099/2023/NQ-HĐQT ngày 04/8/2023 *Resolution No. 099/2023/NQ-HĐQT dated August 4, 2023* - Quyết định số 020101/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 *Decision No. 020101/2024/QD-HĐQT dated February 1, 2024*	Doanh thu dịch vụ kho bãi và thuê văn phòng/ *Revenue from warehousing and office rental services:* 226.371.996 VND

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

STT *No.*	**Người thực hiện giao dịch** *Transaction executor*	**Quan hệ với người nội bộ** *Relationship with internal persons*	**Chức vụ tại Công ty** *Position at the Company*	**Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp** *ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue*	**Địa chỉ** *Address*	**Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát** *Name of subsidiaries or companies which the Company control*	**Thời điểm giao dịch** *Time of transaction*	**Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch** *Content, quantity, total value of transaction*
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn *Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company*	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by the parent company*		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 *Business Registration No. 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and*	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội *Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Phu Minh Commune,*	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company* Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services*	01/01/2024 - 31/12/2024	Doanh thu dịch vụ vận tải/ *Revenue from Transportation Services:* 962.000.000 VND Chi phí dịch vụ vận tải/ *Transportation service costs* 671.410.842 VND

				Investment on March 25, 2016	*Soc Son District, Hanoi City.*	*Company Limited*		
2.	Công ty TNHH Vận tải ASG *ASG Transport Company Limited*	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối *Enterprise controlled by the parent company*		ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 *Business Registration No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019*	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên *Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen Province*	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services Company Limited*	01/01/2024 - 31/12/2024	Chi phí dịch vụ vận tải/ *Transportation service costs* 153.668.740 VND
3.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam *Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd*	Công ty con của cổ đông lớn *Subsidiary of major shareholder*		ĐKDN số 0309640774 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 *Business Registration No.*	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh *No. 40, Ba Huyen Thanh Quan Street, Vo*	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services Company Limited*	01/01/2024 - 31/12/2024	Doanh thu dịch vụ vận tải/ *Transportation service costs* 1.106.800.000 VND

				0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009	*Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City*			

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Transactions between the Company and other objects:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Đã được bao gồm trong mục 2 phía trên.

Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Included in item 2 above.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có

Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác: Không có

Other transactions of the Company (if any) may bring material or non - material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2024)

Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Report in 2024)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

The list of internal persons and their affiliated persons

STT *No.*	**Họ tên** *Name*	**Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)** *Securities trading account (if any)*	**Chức vụ tại công ty (nếu có)** *Position at the company (if any*	**Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp** *NSH No., date of issue, place of issue*	**Địa chỉ liên hệ** *Address*	**Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** *Number of shares owned at the end of the period*	**Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ** *Percentage of share ownership at the end of the period*	**Ghi chú** *Note*
1	**Ông Nguyễn Thái Hòa** *Mr. Nguyen Thai Hoa*		**Chủ tịch HĐQT** *Chairman of the Board of Directors*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of the related person of the insider*							

	Nguyễn Trọng Chi *Mr. Nguyen Trong Chi*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Bố đẻ *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Father*			0	0	
	Bùi Thị Minh Tân *Mrs. Bui Thi Minh Tan*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Mẹ đẻ *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Mother*			0	0	
	Chu Lan Phương *Mrs. Chu Lan Phuong*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa –Vợ *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa - Wife*			0	0	
	Nguyễn Thái Đan *Nguyen Thai Dan*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Con đẻ *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa - Offspring*			0	0	Còn nhỏ/ *Minor*

	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế *International Investment Trade and Service Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa - Thành viên HĐQT *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Member of the Board of Directors*	ĐKDN số 0100110052 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 20/02/2006 *Business Registration Certificate No. 0100110052 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on February 20, 2006*	Số 17 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội *No. 17 Pham Hung Street, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City*	0	0	
	Công ty Cổ phần Logistics ASG *ASG Logistics Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Member of the Board of Directors, General Director*	ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 *Business Registration Certificate No. 4601126886 issued by the Thai Nguyen Department of Planning and Investment on April 18, 2013.*	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên *Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Dong Tien Ward, Pho Yen City, Thai Nguyen Province*	17.437.281	51,59%	

	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh *Tay Ninh International Logistics Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Thành viên HĐQT *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Member of the Board of Directors,*	ĐKDN số 3901309342 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/01/2021 *Business Registration Certificate No. 3901309342 issued by the Tay Ninh Department of Planning and Investment on January 4, 2021*	Ấp Bùng Binh, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh *Bung Binh Hamlet, Hung Thuan Commune, Trang Bang Town, Tay Ninh Province*	0	0	
	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Nguyễn Thái Hòa – Chủ tịch HĐQT *Related person of Mr. Nguyen Thai Hoa – Chairman of the Board of Directors*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment issued on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	0	0	
2	**Ông NIIBAYASHI NAOKI** ***Mr. NIIBAYASHI NAOKI***		**Phó Chủ tịch HĐQT** *Vice Chairman of the Board of Directors*			**0**	**0**	

	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Niibayashi Shoko *Mrs. Niibayashi Shoko*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- mẹ *Related person of Mr. Niibayashi Naoki- Mother*			0	0	
	Niibayashi Akiko *Mrs. Niibayashi Akiko*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- vợ *Related person of Mr. Niibayashi Naoki - Wife*			0	0	
	Fujii Misa *Ms. Fujii Misa*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- Con gái *Related person of Mr. Niibayashi Naoki -Daughter*			0	0	
	Niibayashi Kento *Mr. Niibayashi Kento*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- con trai *Related person of Mr. Niibayashi Naoki- Son*			0	0	

	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki – Thành viên HĐQT *Related person of Mr. Niibayashi Naoki – Member of the Board of Directors*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment issued on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	0	0	
	Niibayashi Hideyuki *Mr. Niibayashi Hideyuki*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- Anh trai *Related person of Mr. Niibayashi Naoki- Brother*			0	0	
	Niibayashi Tomoko *Ms. Niibayashi Tomoko*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- em gái *Related person of Mr. Niibayashi Naoki-Sister*			0	0	
	Fujii Ippei *Mr. Fujii Ippei*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki- con rể *Related person of Mr. Niibayashi Naoki-Sons-in-law*			0	0	

	Morikawa Kazuki *Mr.Morikawa Kazuki*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki-anh rể *Related person of Mr. Niibayashi Naoki-brothers-in-law*			0	0	
	Morikawa Nobuko *Ms.Morikawa Nobuko*		Người có liên quan của ông Niibayashi Naoki-chi dau *Related person of Mr. Niibayashi Naoki-sisters-in-law*			0	0	
3	**Ông Đặng Lưu Dũng** *Mr. Dang Luu Dung*		**Thành viên HĐQT** *Member of the Board of Directors*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Đặng Đức Lăng *Mr. Dang Duc Lang*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Bố đẻ *Related person of Mr. Dang Luu Dung - Father*			0	0	

	Lưu Thị Hiệp *Mrs Luu Thi Hiep*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Mẹ đẻ *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Mother*			0	0	
	Hoàng Thị Phương Nga *Mrs. Hoang Thi Phuong Nga*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Vợ *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Wife*			0	0	
	Đặng Hoàng Phúc *Mr. Dang Hoàng Phuc*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Con đẻ *Related person of Mr. Dang Luu Dung - Offspring*			0	0	
	Đặng Hoàng Đức *Mr. Dang Hoang Duc*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Con đẻ *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Offspring*			0	0	

	Hoàng Thọ Quỳnh *Mr. Hoang Tho Quynh*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Bố vợ *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Father-in-law*			0	0	
	Vũ Thị Thái *Mrs. Vu Thi Thai*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Mẹ vợ *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Mother-in-law*			0	0	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG *ASG Corporation*		Người có liên quan đến ông Đặng Lưu Dũng – thành viên HĐQT *Related person of Mr. Dang Luu Dung – Member of the Board of Directors*	ĐKDN số 0104960269 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2010 *Business Registration No. 0104960269 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on October 22, 2010*	Khu dịch vụ logistics, Cảng HK Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội *Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Soc Son District, Hanoi City*	0	0	

	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Thành viên HĐQT *Related person of Mr. Dang Luu Dung - Member of Board of Directors*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	0	0	
	Công ty cổ phần In Holdings *In Holdings Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Đặng Lưu Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát *Related person of Mr. Dang Luu Dung - Member of Supervisory Board*	ĐKDN số 0316001264 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2019 *Business Registration No. 0316001264 issued by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment on November 06, 2019*	194 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *194 Hoang Van Thu, Ward No.9, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City*			
4	**Ông Takahashi Shinichi** *Mr. Takahashi Shinichi*		**Thành viên Hội đồng quản trị** *Member of Board of Directors*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							

	Takahashi Hatsuko *Mrs. Takahashi Hatsuko*		Người có liên quan của ông Takahashi Shinichi – Mẹ đẻ *Related person of Mr. Takahashi Shinichi – Mother*			0	0	
	Takahashi Yoko *Mrs. Takahashi Yoko*		Người có liên quan của ông Takahashi Shinichi – Vợ *Related person of Mr. Takahashi Shinichi –Wife*			0	0	
	Takahashi Wataru		Người có liên quan của ông Takahashi Shinichi – Con đẻ *Related Person of Mr. Takahashi Shinichi – Offspring*			0	0	
	Takahashi Mariko		Người có liên quan của ông Takahashi Shinichi – Con đẻ *Related Person of Mr. Takahashi Shinichi – Offspring*			0	0	
5	**Ông Lý Lâm Duy** *Mr. Ly Duy Lam*		**Thành viên HĐQT** *Member of Board of Directors*			**0**	**0**	

	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Lý Thái Long *Mr. Ly Thai Long*		Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – Bố đẻ *Related person of Mr. Ly Lam Duy – Father*			0	0	
	Trần Minh Nga *Mrs. Tran Minh Nga*		Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – Mẹ đẻ *Related person of Mr. Ly Lam Duy – Mother*			0	0	
	Lý Diễm My *Mrs. Ly Diem My*		Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – Em ruột *Related person of Mr. Ly Lam Duy – Sister*			0	0	

	Công ty CP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh *Cam Ranh International Airport Services Joint-Stock Company*		Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – Thành viên HĐQT, Giám đốc *Related person of Mr. Ly Lam Duy – Member of the Board of Directors, Director*	ĐKDN số 4200810665 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14/01/2009 *Business Registration No. 4200810665 issued by Khanh Hoa Department of Planning and Investment on January 14, 2009*	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa *Cam Ranh International Airport, Cam Nghia Ward, Cam Ranh City, Khanh Hoa Province*	0	0	
	Công ty CP Tư vấn và Đào tạo Cây Sồi Việt *Viet Oak Tree Training and Consulting Corporation*		Người có liên quan của ông Lý Lâm Duy – Tổng giám đốc *Related person of Mr. Ly Lam Duy - General Director*	ĐKDN số 4201816557 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/10/2018 *Business Registration No. 4201816557 issued by Khanh Hoa Department of Planning and Investment on October 19, 2018*	L22-2 KĐT An Bình Tân, Phường Phước Long,Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa *L22-2 An Binh Tan Urban Area, Phuoc Long Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province*	0	0	
6	**Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh** *Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh*		**Trưởng BKS** *Head of the Supervisory Board*			**0**	**0**	

	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Nguyễn Đức Hùng *Mr. Nguyen Duc Hung*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Bố đẻ *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Father*			0	0	
	Nguyễn Thị Chanh *Mrs. Nguyen Thi Chanh*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Mẹ đẻ *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Mother*			0	0	
	Nguyễn Quốc Hưng *Mr. Nguyen Quoc Hung*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Anh ruột *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh - Brother*			0	0	

	Ngô Tuấn Hợp *Mr. Ngo Tuan Hop*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Chồng *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Husband*			0	0	
	Ngô Tuấn Bách *Mr. Ngo Tuan Bach*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Con đẻ *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Offspring*			0	0	
	Ngô Lâm Tùng *Mr. Ngo Lam Tung*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Con đẻ *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Offspring*			0	0	

	Trần Thị Hòa *Mrs. Tran Thi Hoa*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Mẹ chồng *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Mother-in-law*					
	Chu Thu Phương *Ms. Chu Thu Phuong*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Chị dâu *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Sister-in-law*					
	Nguyễn Thu Hương *Ms. Nguyen Thu Huong*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Em dâu *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh – Sister-in-law*					

	Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành *Long Thanh Investment and Consultant Joint Stock Company*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Huyền Oanh – Giám đốc *Related person of Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh - Director*	ĐKDN số 0107965843 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 16/8/2017 *Business Registration No. 0107965843 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on August 16, 2017*	Tầng 7, tòa nhà Plaschem, số 562 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội *7th Floor, Plaschem Building, 562 Nguyen Van Cu, Long Bien District, Hanoi*	0	0	
7	**Bà Trần Thị Nhường** *Mrs. Tran Thi Nhương*		**Thành viên BKS** *Member of the Supervisory Board*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Nguyễn Anh Tuấn *Mr. Nguyen Anh Tuan*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Chồng *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Husband*			0	0	

	Nguyễn Viết Phúc Lâm *Mr. Nguyen Viet Phuc Lam*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – con đẻ *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Offspring*			0	0	
	Nguyễn Thanh Trà *Ms. Nguyen Thanh Tra*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – con đẻ *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Offspring*			0	0	
	Nguyễn Trà Giang *Ms. Nguyen Tra Giang*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – con đẻ *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong - Offspring*			0	0	
	Trần Văn Dũng *Mr. Tran Van Dung*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Bố đẻ *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Father*			0	0	

	Nguyễn Thị Nhũ *Mrs. Nguyen Thi Nhu*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Mẹ đẻ *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Mother*			0	0	
	Trần Thị Mai *Mrs. Tran Thi Mai*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Em ruột *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Sister*			0	0	
	Ninh Văn Sức *Mr. Ninh Van Suc*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Em rể *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Brother-in-law*			0	0	
	Nguyễn Thị Nga *Mrs. Nguyen Thi Nga*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Mẹ chồng *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong- Mother-in-law*			0	0	

	Công ty CP Dịch vụ Sân bay Sài Gòn *Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Thành viên BKS *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong – Member of the Supervisory Board*	ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 *Business Registration No. 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016*	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội *Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Phu Minh Commune, Soc Son District, Hanoi City*	0	0	
	CTCP tập đoàn ASG *ASG Corporation*		Người có liên quan của bà Trần Thị Nhường – Thành viên BKS *Related person of Mrs. Tran Thi Nhuong– Member of the Supervisory Board*	ĐKDN số 01044960269 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010 *Business Registration No. 01044960269 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on October 22, 2010*	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội *Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Phu Minh Commune, Soc Son District, Hanoi City*	0	0	
8	**Bà Trần Thị Thu Hương** *Mrs. Tran Thi Thu Huong*		**Thành viên BKS** *Member of the Supervisory Board*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							

	Trần Anh Thương *Mr. Tran Anh Thuong*		Người có liên quan của bà Trần Thị Thu Hương – Bố đẻ *Related person of Ms. Tran Thi Thu Huong – Father*			0	0	
	Tạ Thị Len *Mrs. Ta Thi Len*		Người có liên quan của bà Trần Thị Thu Hương – Mẹ đẻ *Related person of Ms. Tran Thi Thu Huong – Mother*			0	0	
	Trần Tuấn Đạt *Mr. Tran Tuan Dat*		Người có liên quan của bà Trần Thị Thu Hương – Em ruột *Related person of Mrs. Tran Thị Thu Huong – Brother*			0	0	
	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*		Người có liên quan của bà Trần Thị Thu Hương – Trưởng BKS *Related person of Mrs. Tran Thi Thu Huong – Head of the Supervisory Board*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	0	0	

9	**Bùi Minh Hưng** *Mr. Bui Minh Hung*		**Tổng giám đốc** *General Director*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Phạm Thị Phương *Mrs. Pham Thi Phuong*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – Vợ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Wife*			0	0	
	Bùi Bảo Hoàng *Mr. Bui Bao Hoang*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – con *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Son*			0	0	
	Bùi Minh Chính *Mr. Bui Minh Chinh*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – bố đẻ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Father*			0	0	

	Phạm Trọng Tín *Mr. Pham Trong Tin*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – bố vợ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Father-in-law*			0	0	
	Nguyễn Thị Sáo *Mrs. Nguyen Thi Sao*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – mẹ vợ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Mother-in-law*			0	0	
	Phạm Thị Thư *Mrs. Pham Thi Thu*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – em vợ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Sister-in-law*			0	0	
	Phạm Thị Nga *Mrs. Pham Thi Nga*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – chị vợ *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Sister-in-law*			0	0	

	Bùi Minh Hải *Mr. Bui Minh Hai*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – em ruột *Related person of Mr. Bui Minh Hung - Brother*			0	0	
	Nguyễn Thị Ngọc *Mrs. Nguyen Thi Ngoc*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – em dâu *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Sister-in-law*			0	0	
	Công ty CP Cảng Xanh VIP *VIP Greenport Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – Chủ tịch HĐQT *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Chairman of the Board of Directors*	ĐKDN số 0201579242 do Sở KHĐT thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/10/2014 *Business Registration Certificate No. 0201579242 issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on October 28, 2014*	Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng *Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City*	0	0	

	Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng *Da Nang Port Logistics Joint Stock Company*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – Thành viên HĐQT *Related person of Mr. Bui Minh Hung - Member of Board of Directors*	ĐKDN số 0400999731 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/03/2009 *Business Registration Certificate No. 0400999731 issued by the Da Nang Department of Planning and Investment on March 5, 2009*	97 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng *97 Yet Kieu, Tho Quang Ward, Son Tra District, Da Nang City*	0	0	
	Công ty TNHH Vinafco Bình Dương *Vinafco Binh Duong One Member Company Limited*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng– Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty *Related person of Mr. Bui Minh Hung – Chairman cum General Director of the company*	ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 *Business Registration Certificate No. 3701833950 issued by the Binh Duong Department of Planning and Investment on February 18, 2011.*	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương *Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Di An City, Binh Duong Province*	0	0	

	Công ty TNHH vận tải và dịch vụ Vinafco *Vinafco Transportation and Services Company Limited*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng – Chủ tịch công ty *Related person of Mr. Bui Minh Hung - Chairman of the company*	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Số 33C, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội *No. 33C, Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi City*	0	0	
	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco *Vinafco Logistics Company Limited*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng– Chủ tịch công ty *Related person of Mr. Bui Minh Hung - Chairman of the company*	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 *Business Registration No. 0106641275 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003*	Số 33C, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội *No. 33C, Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi City*	0	0	

	Công ty TNHH vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung *Vinafco Central Region Transportation and Services Co., Ltd.*		Người có liên quan của ông Bùi Minh Hưng– Chủ tịch Hội đồng thành viên *Related person of Mr. Bui Minh Hung - Chairman of the Board of Members*	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 *Business Registration Certificate No. 3100943814 issued by the Quang Binh Department of Planning and Investment on August 15, 2012.*	Thôn Cương Trung C, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình *Cuong Trung C Village, Tien Hoa Commune, Tuyen Hoa District, Quang Binh Province*	0	0	
10	**Ông Nguyễn Huy Dương** *Mr. Nguyen Huy Duong*		**Phó Tổng Giám đốc** *Deputy General Director*			**0**	**0**	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Nguyễn Văn Hướng *Mr. Nguyen Van Huong*		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Bố *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong – Father*			**0**	**0**	

	Phạm Thị Hoà *Mrs. Pham Thi Hoa*		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Mẹ *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong – Mother*			0	0	
	Nguyễn Lệ Thi Mrs. Nguyen Le Thi		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Vợ *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong – Wife*			0	0	
	Nguyễn Dương Đình Đình *Nguyen Duong Dinh Dinh*		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Con *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong - Offspring*			0	0	
	Nguyễn Hương Lan *Mrs. Nguyen Huong Lan*		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Em gái *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong – Sister*			0	0	

	Tống Ngọc Minh *Mr. Tong Ngoc Minh*		Người có liên quan của ông Nguyễn Huy Dương – Em rể *Related person of Mr. Nguyen Huy Duong – Brother-in- law*					
11	**Bà Lê Thị Minh Phương** *Mrs Le Thi Minh Phuong*		**Kế toán trưởng** *Chief Accountant*			0	0	
	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Bạch Long *Mr. Bach Long*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Chồng *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Husband*			0	0	

	Bạch Minh Đức *Mr. Bach Minh Duc*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Con đẻ *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong - Offspring*			0	0	
	Bạch Phương Linh *Mrs. Bach Phuong Linh*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Con đẻ *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Offspring*			0	0	
	Lê Phương Hồng *Mrs. Le Phuong Hong*		*Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Chị ruột* *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong - Sister*			0	0	
	Lê Thị Châu Viên *Mrs. Le Thi Chau Vien*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Chị ruột *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong - Sister*			0	0	

	Lê Thị Nội Hà *Mrs. Le Thi Noi Ha*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Chị ruột *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong - Sister*			0	0	
	Lê Văn Long *Mr. Le Van Long*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Anh ruột *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong - Brother*			0	0	
	Lê Phương Giang *Mrs. Le Phuong Giang*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Chị ruột *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Sister*			0	0	
	Nguyễn Lương Tường *Mr. Nguyen Luong Tuong*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Anh rể *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Brother- in- law*					

	Trần Tất Thủy *Mr. Tran Tat Thuy*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Anh rể *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Brother- in- law*					
	Nguyễn Đức Sinh *Mr, Nguyen Duc Sinh*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Anh rể *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Brother- in- law*					
	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco *Vinafco Shipping Joint Stock Company*		Người có liên quan của bà Lê Thị Minh Phương – Thành viên BKS *Related person of Mrs. Le Thi Minh Phuong – Member of the Supervisory Board*	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 *Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006*	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội *Tu Khoat Village, Ngu Hiep Commune, Thanh Tri District, Hanoi City*	0	0	

12	**Trần Thị Hồng** *Ms. Tran Thi Hong*		**Người phụ trách quản trị Công ty/Người được ủy quyền công bố thông tin** *Corporate Governance Officer/Authorized Disclosure Representative*			0	0	
	Đặng Thị Cậy *Mrs. Dang Thi Cay*		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – mẹ ruột *Related person of Mrs. Tran Thi Hong - Mother*			0	0	
	Trần Văn Giáp *Mr. Tran Van Giap*		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – anh trai *Related person of Mrs. Tran Thi Hong – Brother*			0	0	
	Bùi Thị Thân		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – chị dâu *Related person of Ms. Tran Thi Hong – Sister-in-law*			0	0	

	Trần Văn Dũng *Mr. Tran Van Dung*		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – anh trai *Related person of Mrs. Tran Thi Hong – Brother*			0	0	
	Lê Thị Mai *Mrs. Le Thi Mai*		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – chị dâu *Related person of Ms. Tran Thi Hong – Sister-in-law*			0	0	
	Trần Văn Hoà *Mr. Tran Van Hoa*		Người có liên quan của bà Trần Thị Hồng – anh trai *Related person of Mrs. Tran Thi Hong – Brother*			0	0	
13	**Bà Nguyễn Thuý Hà** *Mrs. Nguyen Thuy Ha*		**Thư ký HĐQT** *Secretary of the Board of Directors*			**0**	**0**	

	Tên người có liên quan của người nội bộ *Name of related person of insider*							
	Nguyễn Văn Long *Mr. Nguyen Van Long*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà – Bố đẻ *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha - Father*			0	0	
	Nguyễn Thị Thúy *Mrs. Nguyen Thi Thuy*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Mẹ đẻ *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Mother*			0	0	
	Nguyễn Thị Hương *Mrs. Nguyen Thi Huong*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Em ruột *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Sister*			0	0	
	Nguyễn Vạn Lộc *Mr. Nguyen Van Loc*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Em ruột *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Brother*			0	0	

	Nguyễn Văn Quyết *Mr. Nguyen Van Quyet*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Bố chồng *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha - Father-in-law*			0	0	
	Đào Thị Huệ *Mrs. Dao Thi Hue*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Mẹ chồng *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha - Mother-in-law*			0	0	
	Nguyễn Minh Tâm *Mr. Nguyen Minh Tam*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Chồng *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Husband*			0	0	

	Nguyễn Phúc Thành *Mr. Nguyen Phuc Thanh*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà-Con đẻ *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha - Offspring*			0	0	
	Nguyễn Hà Kiều Anh *Ms. Nguyen Ha Kieu Anh*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà-Con đẻ *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha - Offspring*			0	0	
	Nguyễn Văn Lộc *Mrs. Nguyen Van Loc*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà-Em rể *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Brother-in-law*			0	0	

	Ma Thị Diễm *Ms. Ma Thi Diem*		Người có liên quan của bà Nguyễn Thúy Hà- Em dâu *Related person of Mrs. Nguyen Thuy Ha – Sister- in-law*			0	0	

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: None

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có
Other significant issues: *None*

Nơi nhận/ Recipients:
- SGDCKHN, UBCKNN/ The Stock Exchange, The State Securities Commission;
- Lưu/ Archives: VT/ Clerical Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

NGUYỄN THÁI HÒA